

[SARC Trang chủ](#) » Alpha: Cornerstone Academy trừ bị[Tải về tiếng Anh PDF của SARC cho trường này.](#)

Báo cáo Thẻ Trách nhiệm giải trình học

Về trường này

[dịch Disclaimer](#)

Thông Tin Liên Hệ (Niên 2019-20)

Huyện Thông Tin Liên Hệ (Niên 2019-20)

Tên quận	Tiểu Franklin-McKinley
Số điện thoại	(408) 283-6006
người quản lý	Juan Cruz
Địa chỉ email	juan.cruz@fmsd.org
Trang mạng	http://www.fmsd.org

Vietnamese

Powered by [Google Translate](#)

Trường Thông Tin Liên Hệ (Niên 2019-20)

Tên trường	Alpha: Cornerstone Academy trừ bị
đường phố	1598 Lucretia Ave.
City, State, Zip	San Jose, Ca, 95122-3817
Số điện thoại	408-361-3876
Hiệu trưởng	Marion Dickel, Hiệu trưởng
Địa chỉ email	info@alphapublicschools.org
Trang mạng	www.alphapublicschools.org

Quận-Huyện-School (CDS) 43694500121483
Mã

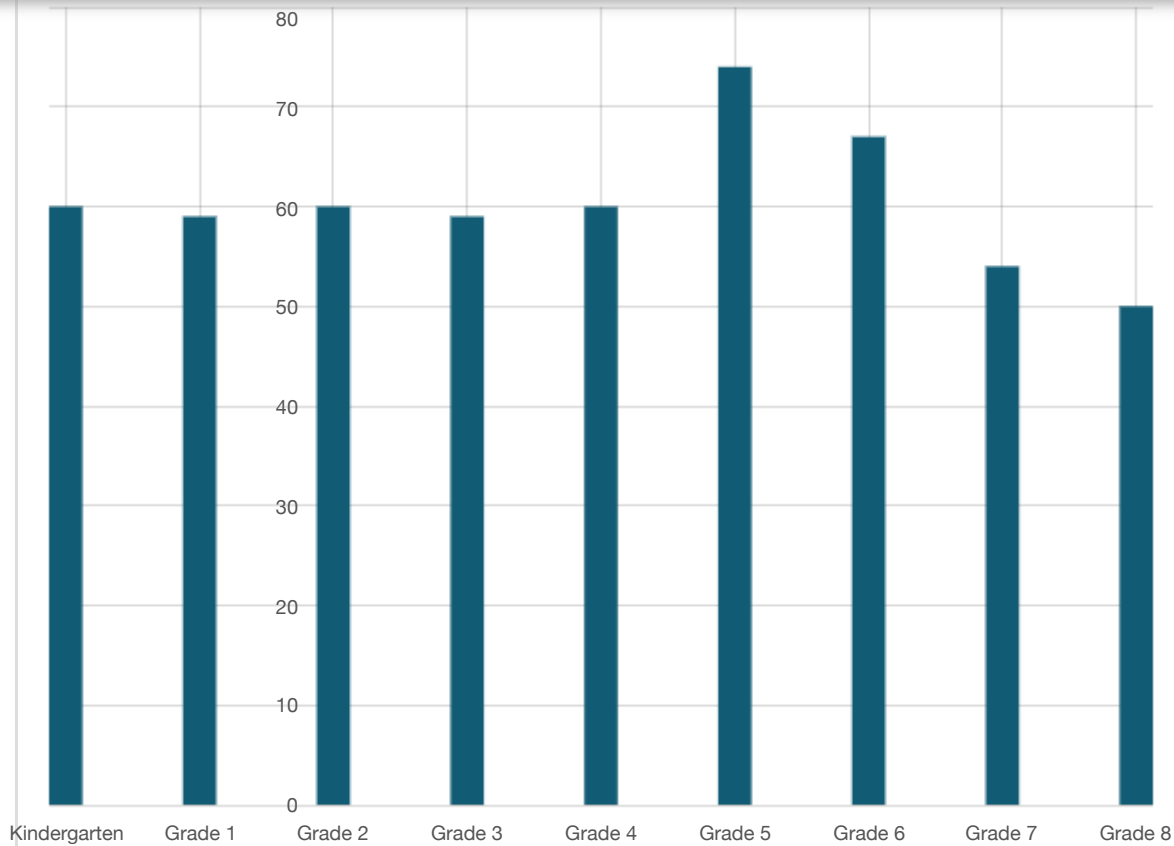
Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Alpha Cornerstone Academy Preparatory School is a public charter school serving families in the Franklin-McKinley School District and East San Jose. Our mission is to prepare our scholars in kindergarten through grade eight to excel in college preparatory secondary schools and beyond. Cornerstone Academy opened its doors in August 2010 with kindergarten and first grade and added a grade each year to reach its current composition. In 2014 and 2018, Cornerstone was named a California Distinguished School by the California Department of Education. The mission of Alpha Cornerstone Academy Preparatory School is to provide children from high-poverty communities an education that effectively develops the academic skills and competencies of character to overcome the achievement gap, graduate from college, and become self-reliant and productive leaders. Alpha seeks to eliminate the achievement gap by inspiring thousands of children from traditionally underserved communities to become self-motivated, competent, and lifelong learners who graduate from college and serve as leaders and role models for their families and communities.

Last updated: 1/27/2020

Student Enrollment by Grade Level (School Year 2018—19)

Grade Level	Number of Students
Kindergarten	60
Grade 1	59
Grade 2	60
Grade 3	59
Grade 4	60
Grade 5	74
Grade 6	67
Grade 7	54
Grade 8	50
Total Enrollment	543



Last updated: 1/27/2020

Student Enrollment by Student Group (School Year 2018–19)

Student Group	Percent of Total Enrollment
Black or African American	0.70 %
American Indian or Alaska Native	0.18 %
Asian	54.00 %
Filipino	5.71 %
Hispanic or Latino	31.00 %
Native Hawaiian or Pacific Islander	0.18 %
White	4.05 %
Two or More Races	3.50 %
Student Group (Other)	Percent of Total Enrollment
Socioeconomically Disadvantaged	69.40 %
English Learners	22.00 %

Student Group (Other)	Percent of Total Enrollment
Foster Youth	0.00 %
Homeless	0.00 %
Questions: SARC TEAM sarc@cde.ca.gov 916-319-0406	
California Department of Education 1430 N đường Sacramento, CA 95814	

[SARC Trang chủ](#) » Alpha: Cornerstone Academy trừ bị[Tải về tiếng Anh PDF của SARC cho trường này.](#)

Báo cáo Thẻ Trách nhiệm giải trình học

A. Điều kiện học tập

[dịch Disclaimer](#)

Ưu tiên nhà nước: cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau có liên quan đến các ưu tiên của Nhà nước: cơ bản (ưu tiên 1):

Vietnamese ▼

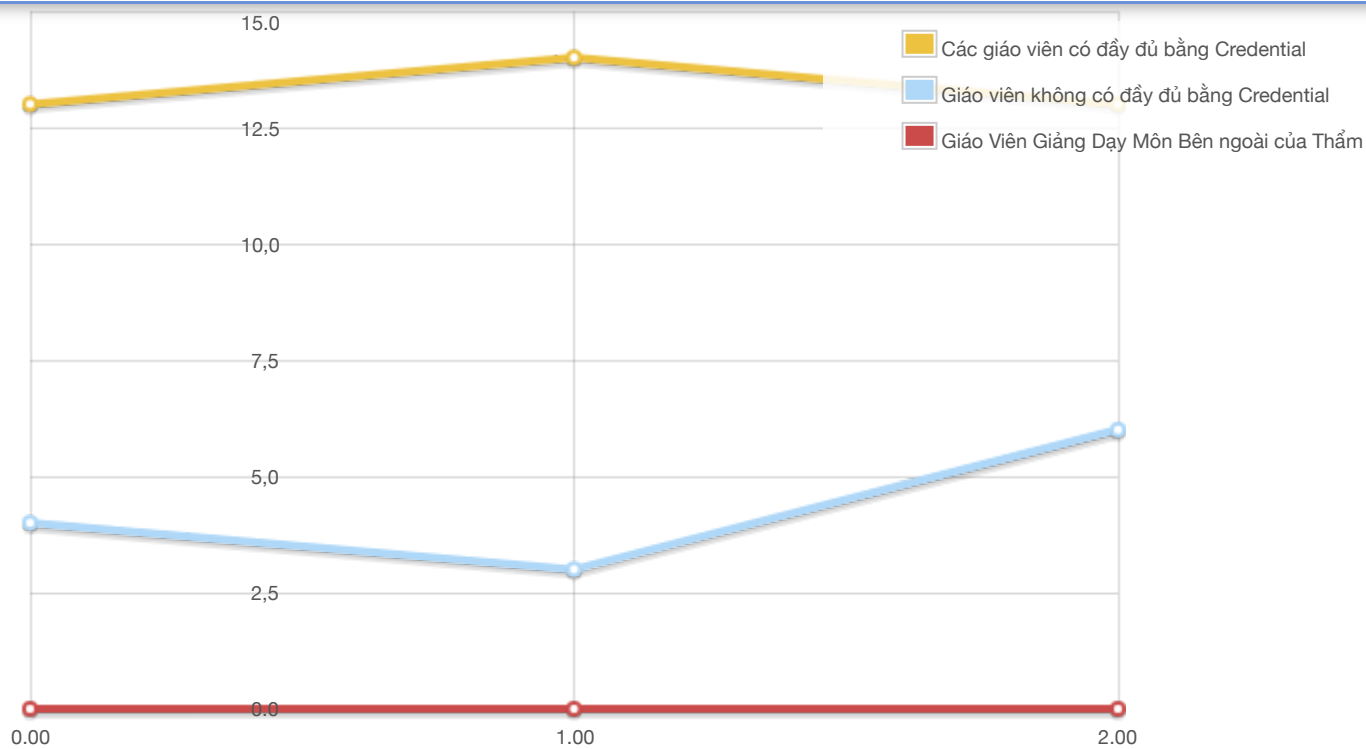
Powered by [Google Translate](#)

- Mức độ mà giáo viên được phân công một cách thích hợp và đầy đủ chứng nhận trong lĩnh vực chủ đề và cho học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh có quyền truy cập vào tài liệu giảng dạy tiêu chuẩn canh; và
- cơ sở vật chất nhà trường được duy trì trong tình trạng tốt

Thông tin đăng nhập của giáo viên

Giáo viên	trường 2017-18	trường 2018-19	trường 2019-20	Quận 2019-20
Với đầy đủ Credential	13	14	13	
Nếu không có đầy đủ bằng Credential	4	3	6	
Giáo Viên Giảng Dạy Môn Ngoài Thảm (với chứng đầy đủ)	0	0	0	



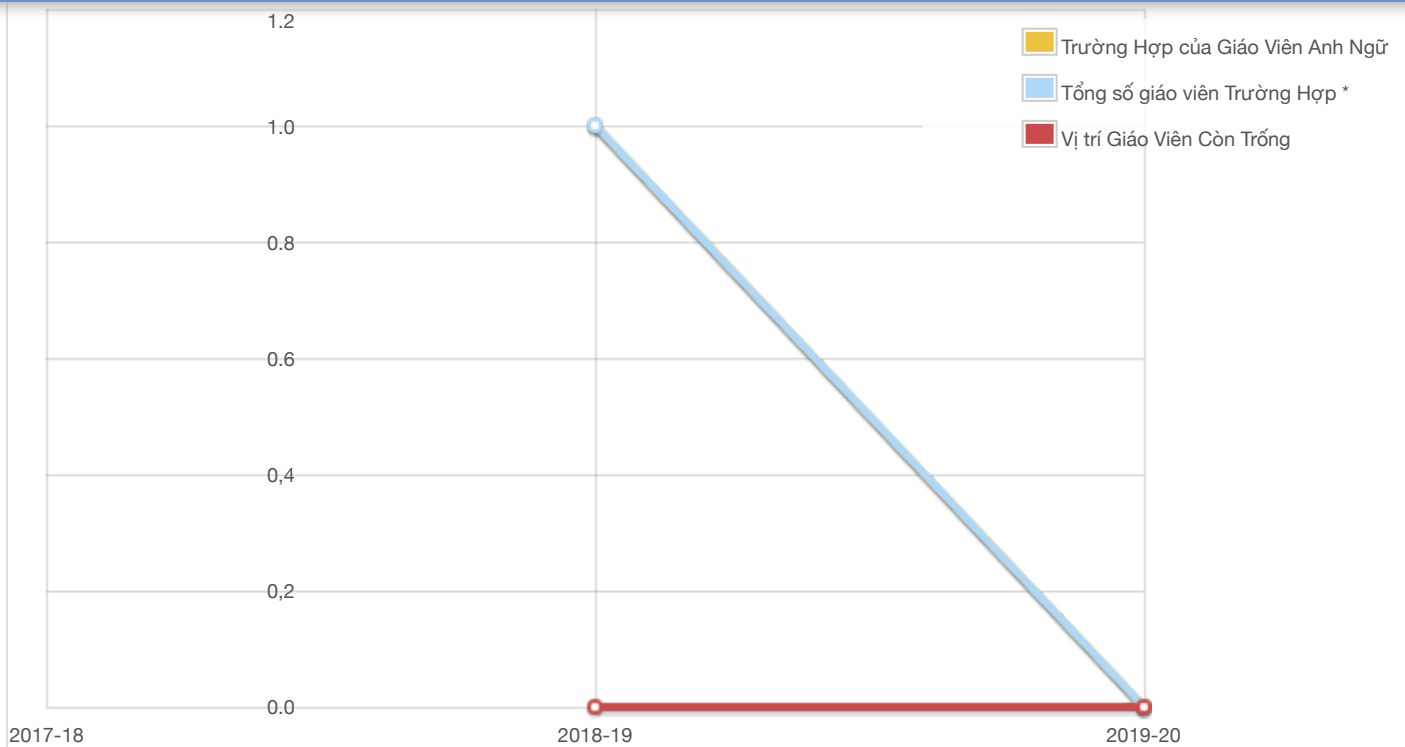


Cập nhật lần cuối: 2020/01/28

Giáo viên Trường Hợp và Positions Giáo Viên Còn Trống

chỉ số	2017-18	2018-19	2019-20
Trường Hợp của Giáo Viên Anh Ngữ		1	0
Tổng số giáo viên Trường Hợp *		1	0
Vị trí Giáo Viên Còn Trống		0	0





Note: “Misassignments” refers to the number of positions filled by teachers who lack legal authorization to teach that grade level, subject area, student group, etc.

* Total Teacher Misassignments includes the number of Misassignments of Teachers of English Learners.

Last updated: 1/28/2020

Quality, Currency, Availability of Textbooks and Other Instructional Materials

(School Year 2019—20)

Year and month in which the data were collected: July 2019

Subject	Textbooks and Other Instructional Materials/year of Adoption	From Most Recent Adoption?	Percent Students Lacking Own Assigned Copy
Reading/Language Arts	StudySync (7-8), Fountas & Pinnell (K-6)		0.00 %
Mathematics	Eureka Math	Yes	0.00 %
Science	Amplify Science	Yes	0.00 %
History-Social Science	K-8 History Alive	Yes	0.00 %
Foreign Language			0.00 %
Health			0.00 %
Visual and Performing Arts			0.0 %

Lưu ý: Các tế bào với các giá trị N / A không yêu cầu dữ liệu.

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Trường Tình Trạng Phòng Ốc và Biện Pháp Cải Tiến

Campus là trong tình trạng tốt.

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Cơ sở Trường Tình trạng sửa chữa tốt đẹp

Năm và tháng báo cáo FIT gần đây nhất: tháng bảy 2019

hệ thống thanh tra	Xếp hạng	Sửa chữa cần thiết và, hoặc dự tính
Hệ thống: Rò rỉ gas, Cơ / HVAC, Hệ thống thoát nước	tốt	
Nội thất: Bề mặt bên trong	tốt	
Vệ sinh: Nhìn chung sạch sẽ, Chuột / Vật Phá Hoại	tốt	
Điện: Điện	tốt	
Phòng vệ sinh / Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa / Fountains	tốt	
An toàn: an toàn cháy, Vật Liệu Nguy Hiểm	tốt	
Kết cấu: Thiệt hại về cấu trúc, Mái	tốt	
Bên ngoài : Sân chơi / Sân Trường, Cửa Sổ / Cửa ra vào / Cổng / Hàng rào	tốt	

Tỷ lệ cơ sở tổng thể

Năm và tháng báo cáo FIT gần đây nhất: tháng bảy 2019

Đánh giá tổng thể làm gương

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Câu hỏi: SARC TEAM | sarc@cde.ca.gov | 916-319-0406

California Department of Education
1430 N đường
Sacramento, CA 95814



[SARC Trang chủ](#) » Alpha: Cornerstone Academy trừ bị

[Tải về tiếng Anh PDF của SARC cho trường này.](#)

Báo cáo Thẻ Trách nhiệm giải trình học

B. Kết quả học sinh

[dịch Disclaimer](#)

Ưu tiên Nhà nước: học sinh tựu

SARC cung cấp các thông tin sau có liên quan đến các ưu tiên của Nhà nước: học sinh tựu (Ưu tiên 4):

Vietnamese

Powered by [Google Translate](#)

- **Đánh giá toàn tiểu bang** (ví dụ, đánh giá California Quả Học Sinh và Progress [CAASPP] Hệ thống, trong đó bao gồm các đánh giá tổng kết thông minh cân bằng cho sinh viên trong dân giáo dục nói chung và đánh giá thay thế California [CAAS] cho tiếng Anh nghệ thuật ngôn ngữ / chữ [ELA] và toán học đưa ra trong lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ có học sinh đủ điều kiện có thể tham gia vào sự điều hành của CAAS. CAAS mục được phù hợp với tiêu chuẩn thành tích thay thế, được liên kết với State Standards lõi Common [CCSS] dành cho sinh viên với các nhận thức quan trọng nhất khuyết tật); và
- Tỷ lệ sinh viên đã hoàn thành khóa học đáp ứng các yêu cầu về lối vào Đại học California và California State University, hoặc sự nghiệp kỹ thuật chuỗi hoặc các chương trình nghiên cứu giáo dục.

CAASPP Kết quả thử nghiệm trong ELA và Toán cho Tất cả học sinh

lớp ba đến lớp tám và lớp Eleven

Phần Trăm Học Sinh đạt hoặc vượt quá tiêu chuẩn Nhà nước

Môn học	trường 2017-18	trường 2018-19	Quận 2017-18	Quận 2018-19	Nhà nước 2017-18	Nhà nước 2018-19
Anh Ngữ / Literacy (lớp 3-8 và 11)	69,72%	73,54%	48,0%	49,0%	50,0%	50,0%
Toán học (lớp 3-8 và 11)	68,81%	78,05%	43,0%	43,0%	38,0%	39,0%

Lưu ý: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số lượng học sinh dự thi là mười em trở xuống, hoặc vì số lượng sinh viên trong hạng mục này quá nhỏ so với thống kê chính xác hoặc riêng tư sinh viên bảo vệ.

Lưu ý: ELA và Toán kết quả xét nghiệm bao gồm đánh giá tổng kết thông minh hơn Balanced và CAA. Các "Phần trăm Met hoặc Exceeded" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt quá tiêu chuẩn trên các đánh giá tổng kết thông minh hơn Balanced cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (tức là đạt được Level 3-thay thế) trên CAAS chia cho tổng số học sinh tham gia trong cả hai đánh giá.

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

**CAASPP Kết quả thử nghiệm trong ELA theo nhóm học sinh
lớp ba đến lớp tám và lớp Eleven (Niên 2018-19)**

Nhóm sinh viên	Tổng Số Ghi Danh	số Tested	Phần trăm Tested	Percent Không Tested	Phần trăm Met hoặc vượt quá
Tất cả học sinh	356	356	100.00%	0.00%	73,54%
Nam giới	176	176	100.00%	0.00%	68,18%
Giống cái	183	183	100.00%	0.00%	78,69%
Màu đen hoặc người Mỹ gốc Phi	-	-	-	-	
Mỹ Da Đỏ hoặc Thổ Dân Alaska					
Châu Á	184	184	100.00%	0.00%	88,59%
Philippines	18	18	100.00%	0.00%	92,86%
Hispanic hay Latino	137	137	100.00%	0.00%	54.02%
Native Hawaii hoặc Đảo Thái Bình Dương	0	0	0%	0%	0%
trắng	6	6	100%	0%	
Hai hoặc nhiều chủng tộc	7	7	100.00%	0.00%	63,64%
Kinh Tế Xã Hội hoàn cảnh khó khăn	262	262	100.00%	0.00%	68,97%
Học tiếng Anh	171	171	100.00%	0.00%	68,97%
Học sinh khuyết tật	37	37	100.00%	0.00%	32,43%
Học sinh nhận Migrant Dịch vụ Giáo dục	-	-	-	-	
Foster Thanh niên					
Vô gia cư					

Note: ELA test results include the Smarter Balanced Summative Assessment and the CAA. The “Percent Met or Exceeded” is calculated by taking the total number of students who met or exceeded the standard on the Smarter Balanced Summative Assessment plus the total number of students who met the standard (i.e., achieved Level 3–Alternate) on the CAAs divided by the total number of students who participated in both assessments.

Note: Double dashes (--) appear in the table when the number of students is ten or less, either because the number of students in this category is too small for statistical accuracy or to protect student privacy.

Note: The number of students tested includes all students who participated in the test whether they received a score or not; however, the number of students tested is not the number that was used to calculate the achievement level percentages. The achievement level percentages are calculated using only students who received scores.

Last updated: 1/27/2020

CAASPP Test Results in Mathematics by Student Group
Grades Three through Eight and Grade Eleven (School Year 2018–19)

Student Group	Total Enrollment	Number Tested	Percent Tested	Percent Not Tested	Percent Met or Exceeded
All Students	360	360	100.00%	0.00%	78.05%
Male	177	177	100.00%	0.00%	77.40%
Female	183	183	100.00%	0.00%	78.69%
Black or African American	--	--	--	--	
American Indian or Alaska Native					
Asian	184	184	100.00%	0.00%	91.30%
Filipino	18	18	100.00%	0.00%	92.86%
Hispanic or Latino	138	138	100.00%	0.00%	61.60%
Native Hawaiian or Pacific Islander					
White	9	9	100%	0%	
Two or More Races	7	7	100.00%	0.00%	
Socioeconomically Disadvantaged	265	265	100.00%	0.00%	72.52%
English Learners	175	175	100.00%	0.00%	40%
Students with Disabilities	37	37	100.00%	0.00%	40.54%
Students Receiving Migrant Education Services	--	--	--	--	
Foster Youth	--	--	--	--	
Homeless					

Note: Mathematics test results include the Smarter Balanced Summative Assessment and the CAA. The “Percent Met or Exceeded” is calculated by taking the total number of students who met or exceeded the standard on the Smarter Balanced Summative Assessment plus the total number of students who met the standard (i.e., achieved Level 3–Alternate) on the CAAs divided by the total number of students who participated in both assessments.

Note: Double dashes (--) appear in the table when the number of students is ten or less, either because the number of students in this category is too small for statistical accuracy or to protect student privacy.

Note: The number of students tested includes all students who participated in the test whether they received a score or not; however, the number of students tested is not the number that was used to calculate the achievement level percentages. The achievement level percentages are calculated using only students who received scores.

CAASPP Test Results in Science for All Students
Grades Five, Eight and High School
Percentage of Students Meeting or Exceeding the State Standard

Subject	School 2017–18	School 2018–19	District 2017–18	District 2018–19	State 2017–18	State 2018–19
Science (grades 5, 8, and high school)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

Note: Cells with N/A values do not require data.

Note: This is a placeholder for the California Science Test (CAST) which was administered operationally during the 2018–19 school year. However, these data are not available for inclusion in the 2018–19 SARC posting due February 1, 2020. These data will be included in the 2019–20 SARC posting due February 1, 2021.

Career Technical Education (CTE) Participation (School Year 2018–19)

Last updated: 1/27/2020

Measure	CTE Program Participation
Number of Pupils Participating in CTE	
Percent of Pupils that Complete a CTE Program and Earn a High School Diploma	--
Percent of CTE Courses that are Sequenced or Articulated Between the School and Institutions of Postsecondary Education	--

Last updated: 1/27/2020

Courses for University of California (UC) and/or California State University (CSU)

Admission

UC/CSU Course Measure	Percent
2018–19 Pupils Enrolled in Courses Required for UC/CSU Admission	0.00%
2017–18 Graduates Who Completed All Courses Required for UC/CSU Admission	--

Last updated: 1/27/2020

State Priority: Other Pupil Outcomes

The SARC provides the following information relevant to the State priority: Other Pupil Outcomes (Priority 8):

- Pupil outcomes in the subject area of physical education

California Physical Fitness Test Results (School Year 2018—19)

Grade Level	Percentage of Students Meeting Four of Six Fitness Standards	Percentage of Students Meeting Five of Six Fitness Standards	Percentage of Students Meeting Six of Six Fitness Standards
5	1.00%	57,00%	40,00%
7	0.00%	54.00%	45.00%

Lưu ý: Tỷ lệ phần trăm không được tính và dấu gạch ngang đôi (-) xuất hiện trong bảng khi số học sinh dự thi là mười em trở xuống, hoặc vì số lượng sinh viên trong hạng mục này quá nhỏ so với thống kê chính xác hoặc riêng tư sinh viên bảo vệ.

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Câu hỏi: SARC TEAM | sarc@cde.ca.gov | 916-319-0406

California Department of Education
1430 N đường
Sacramento, CA 95814



[SARC Trang chủ](#) » Alpha: Cornerstone Academy trừ bị

[Tải về tiếng Anh PDF của SARC cho trường này.](#)

Báo cáo Thẻ Trách nhiệm giải trình học

C. Engagement

[dịch Disclaimer](#)

Ưu tiên Nhà nước: Phụ Huynh Tham Gia

SARC cung cấp các thông tin sau có liên quan đến các ưu tiên của Nhà nước: Phụ Huynh Tham Gia (ưu tiên 3):

Vietnamese

Powered by [Google Translate](#)

- Những nỗ lực của khu học chánh làm cho tìm kiếm đầu vào cha mẹ trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi trang web trường

Cơ hội cho Phụ Huynh Tham Gia (Niên 2019-20)

Tại CAPS, sự tham gia của gia đình là một thành phần quan trọng của sự thành công của chúng tôi như một trường học. Ngoài các hội đồng nhà trường, gia đình đang tham gia vào một loạt các cách khác nhau, bao gồm: hội nghị phụ huynh, các cơ hội tình nguyện: các cuộc họp cộng đồng Bi-hàng tháng bao gồm chủ đề giáo dục phụ huynh như quá trình nộp đơn đại học, bắt nạt, và giúp với làm của học sinh; Hàng tháng cà phê / cafecitos với lãnh đạo nhà trường là cơ hội cho các gia đình để thảo luận về một loạt các chủ đề để ủng hộ con cái của họ. Cổng thông tin trực tuyến mẹ cho các gia đình tiếp cận tham dự và lớp trong thời gian thực sinh viên; Một ứng dụng di động cha mẹ có chứa một loạt các thông tin và các nguồn lực có liên quan, bao gồm lịch, thông báo, kết nối đến cổng phụ huynh, và cuốn sổ tay. điện thoại thông thường gọi bởi các cố vấn giáo viên để học sinh của mình; hội nghị gia đình ba lần một năm đó là sinh viên lãnh đạo; khảo sát gia đình hai lần trong một năm; các cuộc họp Hội đồng quản trị Alpha được mở cho công chúng, và phụ huynh được khuyến khích tham dự. Bên cạnh đó, CAPS có Trung tâm học tập cho phụ huynh, bởi Phụ Huynh Học Trung tâm quản lý quản lý, đó là xác định và tạo điều kiện cho các sáng kiến khác nhau để hỗ trợ cộng đồng gia đình chúng tôi và giúp giảm thiểu những rào cản mà các gia đình phải đối mặt trong việc hỗ trợ sinh viên của họ

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Ưu tiên Nhà nước: học sinh Engagement

SARC cung cấp các thông tin sau có liên quan đến các ưu tiên của Nhà nước: học sinh Engagement (ưu tiên 5):

- tỷ lệ bỏ học cao; và
- tỷ lệ tốt nghiệp trung học

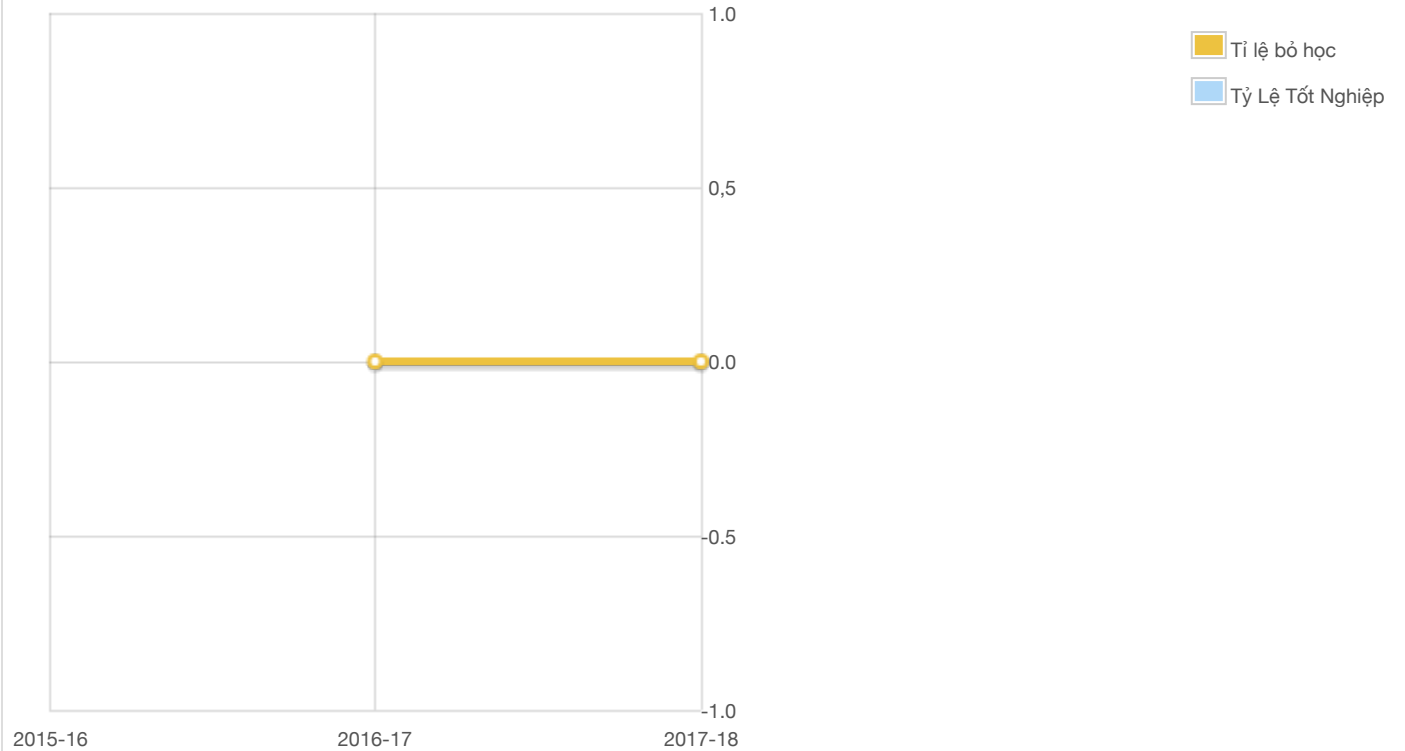
Dropout Rate và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Bốn năm Cohort Rate)

chỉ số	trường 2015-16	Quận 2015-16	Nhà nước 2015-16
Tỷ lệ bỏ học	-	-	9,70%

Chỉ số	Trường 2015-16	Trường 2016-17	Quận 2015-16	Quận 2016-17	Nhà nước 2015-16	Nhà nước 2016-17
Chỉ số	Trường 2016-17	Trường 2017-18	Quận 2016-17	Quận 2017-18	Nhà nước 2016-17	Nhà nước 2017-18

Tỉ lệ bỏ học	0.00%	0.00%	-	-	9.10%	9,60%
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp	-	-	-	-	82,70%	83.00%

Dropout / Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Bốn năm Cohort Rate) Chart



For the formula to calculate the 2016–17 and 2017–18 adjusted cohort graduation rate, see the 2018–19 Data Element Definitions document located on the SARC web page at <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Last updated: 1/27/2020

State Priority: School Climate

The SARC provides the following information relevant to the State priority: School Climate (Priority 6):

- Pupil suspension rates;
- Pupil expulsion rates; and
- Other local measures on the sense of safety

Suspensions and Expulsions

Rate	School 2016–17	School 2017–18	School 2018–19	District 2016–17	District 2017–18	District 2018–19	State 2016–17	State 2017–18	State 2018–19
Suspensions	0.40%	2.50%	2.40%	2.20%	1.70%	1.60%	3,60%	3.50%	3.50%
Đuổi Học	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.10%	0.10%	0.10%

Câu hỏi: SARC TEAM | sarc@cde.ca.gov | 916-319-0406

California Department of Education
1430 N đường
Sacramento, CA 95814



[SARC Trang chủ](#) » Alpha: Cornerstone Academy trừ bị

[Tải về tiếng Anh PDF của SARC cho trường này.](#)

Báo cáo Thẻ Trách nhiệm giải trình học

D. Thông tin SARC khác

Thông tin trong phần này bắt buộc phải trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên quốc gia cho LCFF.

[dịch Disclaimer](#)

Vietnamese

Powered by [Google Translate](#)

Kích thước trung bình Class và Học Sinh Trong Lớp Distribution (tiểu)

năm học (2016-17)

Khối	Học Sinh Trong Lớp trung bình	Số lớp * 1-20	Số lớp * 21-32	Số lớp * 33+
K	28,00	0	2	0
1	28,00	0	2	0
2	28,00	0	2	0
3	28,00	0	3	0
4	28,00	0	2	0
5	28,00	0	2	1
6	28,00	0	2	2
** khác		0	0	0

* Số lớp biết có bao nhiêu lớp học rơi vào từng loại kích thước (một loạt các tổng số học sinh mỗi lớp).

** mục "Khác" là dành cho các lớp học đa cấp cấp.

Kích thước trung bình Class và Học Sinh Trong Lớp Distribution (tiểu) năm học (2017-18)

Khối	Học Sinh Trong Lớp trung bình	1-20 Số lớp *	21-32 Số lớp *	33+ Số lớp *
Khối	Học Sinh Trong Lớp trung bình	1-20	21-32	33+
K	30.00	0	2	0
1	30.00	0	2	0
2	31.00	0	2	0
3	30.00	0	2	0
4	30.00	0	3	0
5	32,00	0	2	0
6	33.00	0	1	1
** khác	0.00	0	0	0
* Số lớp biết có bao nhiêu lớp học rơi vào từng loại kích thước (một loạt các tổng số học sinh mỗi lớp). ** mục "Khác" là dành cho các lớp học đa cấp cấp.				

Kích thước trung bình Class và Học Sinh Trong Lớp Distribution (tiểu) năm học (2018-19)

Grade Level	Average Class Size	Number of Classes * 1-20	Number of Classes * 21-32	Number of Classes * 33+
K	30.00	0	2	0
1	30.00	0	2	0
2	30.00	0	2	0
3	30.00	0	2	0
4	30.00	0	2	0
5	30.00	0	0	0
6	30.00	0	0	0
** khác	0.00	0	0	0
* Số lớp biết có bao nhiêu lớp học rơi vào từng loại kích thước (một loạt các tổng số học sinh mỗi lớp). ** mục "Khác" là dành cho các lớp học đa cấp cấp.				
Cập nhật lần cuối: 2020/01/27 Sĩ Số Trung Bình và Học Sinh Trong Lớp Distribution (Secondary) (Niên 2016-				

Môn học	Average Class Size	Number of Classes * 1-22	Number of Classes * 23-32	Number of Classes * 33+
English	32.00	0	2	0
Mathematics	32.00	0	2	0
Science	32.00	0	2	0
Social Science	32.00	0	2	0

* Number of classes indicates how many classrooms fall into each size category (a range of total students per classroom). At the secondary school level, this information is reported by subject area rather than grade level.

Average Class Size and Class Size Distribution (Secondary) (School Year 2017 – 18)

Subject	Average Class Size	Number of Classes * 1-22	Number of Classes * 23-32	Number of Classes * 33+
English	32.00	0	4	0
Mathematics	32.00	0	4	0
Science	32.00	0	4	0
Social Science	32.00	0	4	0

* Number of classes indicates how many classrooms fall into each size category (a range of total students per classroom). At the secondary school level, this information is reported by subject area rather than grade level.

Average Class Size and Class Size Distribution (Secondary) (School Year 2018 – 19)

Subject	Average Class Size	Number of Classes * 1-22	Number of Classes * 23-32	Number of Classes * 33+
English	32.00	0	4	0
Mathematics	32.00	0	4	0
Science	32.00	0	4	0
Social Science	32.00	0	4	0

* Number of classes indicates how many classrooms fall into each size category (a range of total students per classroom). At the secondary school level, this information is reported by subject area rather than grade level.

Ratio of Academic Counselors to Pupils (School Year 2018–19)

Title	Ratio**
Counselors*	1

*One Full Time Equivalent (FTE) equals one staff member working full time; one FTE could also represent two staff members who each work 50 percent of full time.

**Average Number of Pupils per Counselor

Last updated: 1/27/2020

Student Support Services Staff (School Year 2018–19)

Title	Number of FTE* Assigned to School
Counselor (Academic, Social/Behavioral or Career Development)	0.00
Library Media Teacher (Librarian)	0.00
Library Media Services Staff (Paraprofessional)	0.00
Psychologist	0.55
Social Worker	0.00
Nurse	0.00
Speech/Language/Hearing Specialist	0.60
Resource Specialist (non-teaching)	0.00
Other	2.00

*One Full Time Equivalent (FTE) equals one staff member working full time; one FTE could also represent two staff members who each work 50 percent of full time.

Last updated: 1/27/2020

Expenditures Per Pupil and School Site Teacher Salaries (Fiscal Year 2017–18)

Level	Total Expenditures Per Pupil	Expenditures Per Pupil (Restricted)	Expenditures Per Pupil (Unrestricted)	Average Teacher Salary
School Site	\$10273.00	\$3406.00	\$6867.00	\$60542.00
District	N/A	N/A	--	--
Percent Difference – School Site and District	N/A	N/A	--	--
State	N/A	N/A	\$7506.64	--
Percent Difference – School Site and State	N/A	N/A	--	--

Note: Cells with N/A values do not require data.

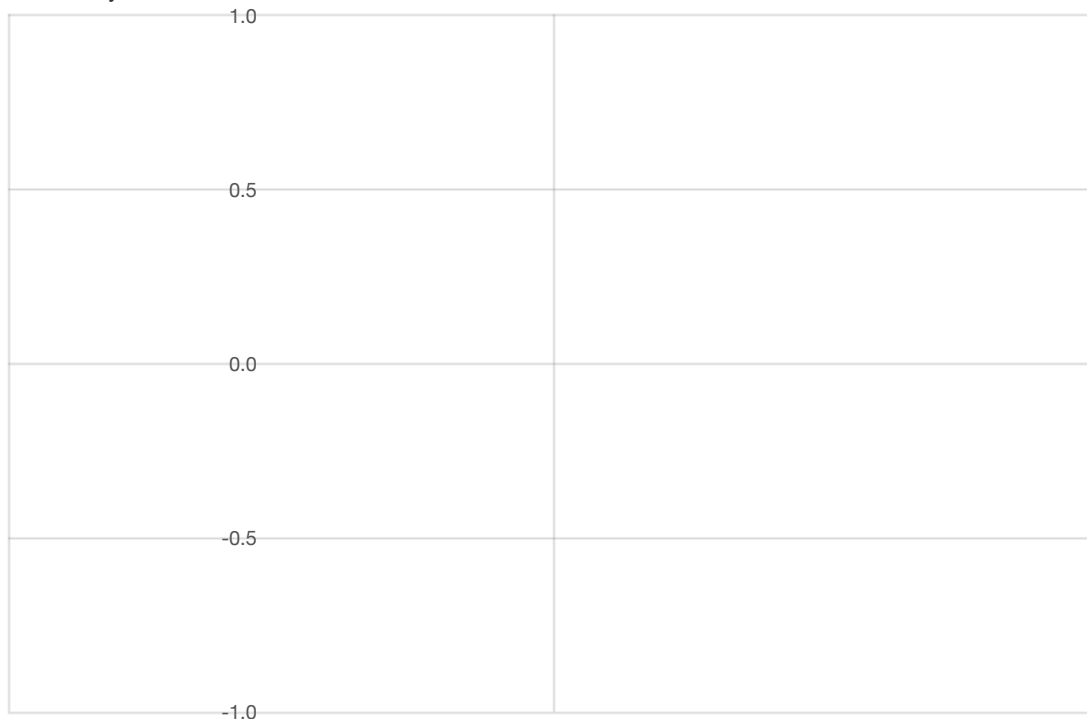
Last updated: 1/27/2020

Teacher and Administrative Salaries (Fiscal Year 2017 – 18)

Category	District Amount	State Average For Districts In Same Category
Beginning Teacher Salary	--	--
Mid-Range Teacher Salary	--	--
Highest Teacher Salary	--	--
Average Principal Salary (Elementary)	--	--
Average Principal Salary (Middle)	--	--
Average Principal Salary (High)	--	--
Superintendent Salary	--	--
Percent of Budget for Teacher Salaries	--	--
Percent of Budget for Administrative Salaries	--	--

For detailed information on salaries, see the CDE Certificated Salaries & Benefits web page at <https://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Teacher Salary Chart

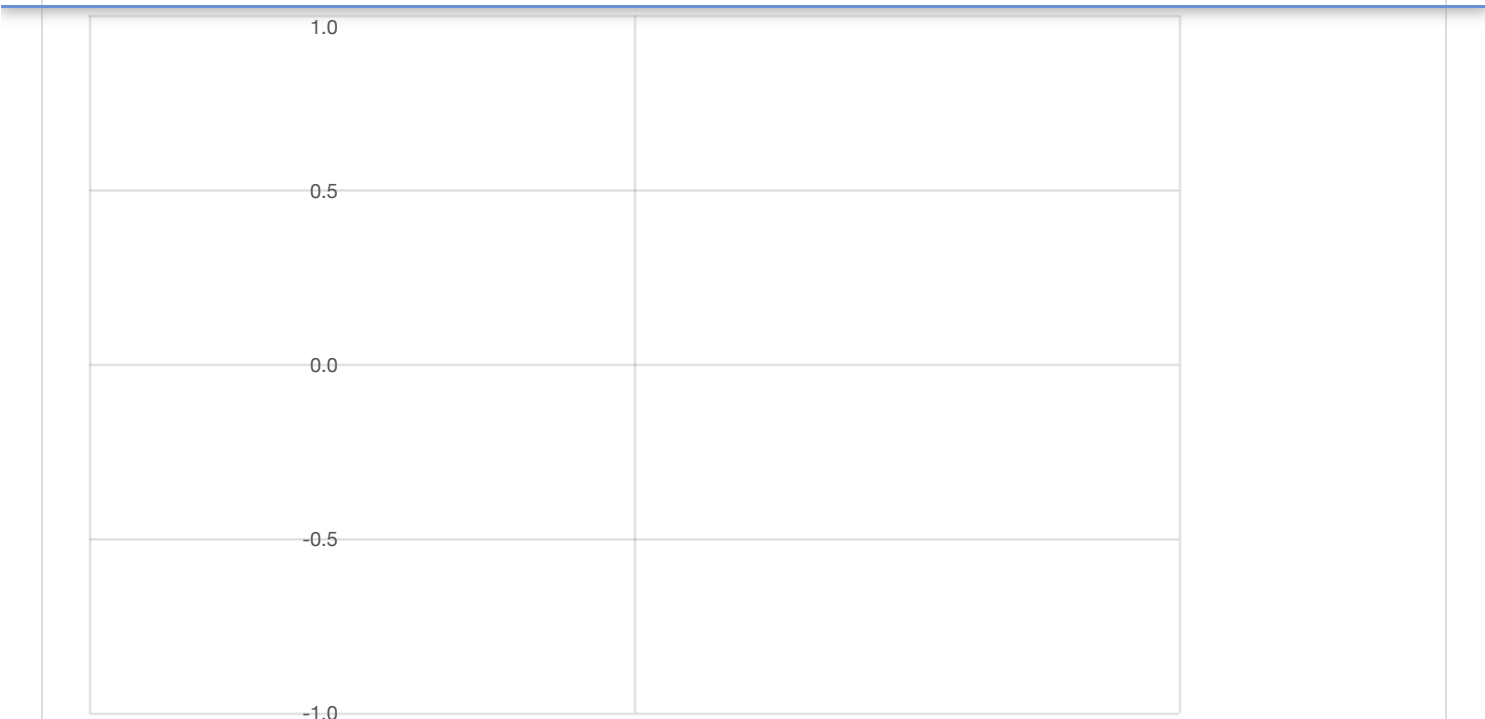


Beginning Teacher Salary

Mid-Range Teacher Salary

Highest Teacher Salary

Principal Salary Chart



Principal Salary (Elementary)

Average Principal Salary (Middle)

Average Principal Salary (High)

Last updated: 1/27/2020

Advanced Placement (AP) Courses (School Year 2018–19)

Subject	Number of AP Courses Offered*	Percent of Students In AP Courses
Computer Science	0	N/A
English	0	N/A
Fine and Performing Arts	0	N/A
Foreign Language	0	N/A
Mathematics	0	N/A
Science	0	N/A
Social Science	0	N/A
All Courses	0	0.00%

Note: Cells with N/A values do not require data.

* Trường hợp có tuyển sinh trình sinh viên của ít nhất một học sinh.

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Phát triển chuyên môn

Đo lường	2017-18	2018-19	2019-20
Số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục	45	45	40

Cập nhật lần cuối: 2020/01/27

Câu hỏi: SARC TEAM | sarc@cde.ca.gov | 916-319-0406

California Department of Education
1430 N đường
Sacramento, CA 95814